

Bản án số: 12/2023/HS-ST.

Ngày: 16/11/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H - TỈNH S LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Thảo và bà Trần Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Bàn Văn S – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh S La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH - tỉnh S La tham gia phiên tòa: ông Tráng A Trư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh S La; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST- ST ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lường Văn S, tên gọi khác, không, sinh năm 1969, sinh tại: huyện P Y, tỉnh S La. Địa chỉ: Bản M, xã P L, huyện M C, tỉnh S La. Nơi ở hiện nay: Bản P Kh, xã L L, huyện VH, tỉnh S La. Giới tính: Nam, Tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: Không. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lường Văn và bà Vi Thị I (Đều đã chết); bị cáo có vợ là Lường Thị K, bị cáo có 02 con; Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001.

* Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 6 năm 2023 cho đến ngày 11/6/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú do mắc bệnh, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị M; tên gọi khác: không, sinh năm 1964 tại: huyện H H, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Bản P Kh, xã L L, huyện VH, tỉnh S La. Giới tính: Nữ, Tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: Không. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Bùi Văn Ph (đã chết), con bà Bùi Thị V; bị cáo không có chồng, bị cáo có 02 con ngoài giá thú. Con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1996.

* Tiền sự: không.

* Tiền án:

- Bản án số 33/HSST ngày 19/3/1998, Tòa án nhân dân tỉnh S La, áp dụng khoản 1 điều 185đ, khoản 1, khoản 2 điều 38, điều 33, điều 34 BLHS1985 xử phạt Bùi Thị M 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 20.000.000 đồng, án phí HSST là 50.000. Chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2000. Bị cáo chưa chấp hành xong án phí và phạt bổ sung.

- Bản án số 68/2007/HSST ngày 27/02/2007, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 điều 194, khoản 1 điều 49 BLHS1999 xử phạt Bùi Thị M 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 12.000.000 đồng, án phí HSST là 50.000. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2019. Bị cáo chấp hành xong án phí và phạt bổ sung ngày 26/10/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 6 năm 2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có QLNVLQ: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1996, địa chỉ: Bản P Kh, xã L L, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lường Văn S và Bùi Thị M là bạn cùng sử dụng chất ma túy. Lường Văn S nấu cơm thuê cho Trạm cảnh sát giao thông số 26 có trụ sở tại Bản P Kh, xã L L. Hàng ngày, S và M thường góp tiền, ăn ở cùng nhau tại nhà M

Khoảng 08 giờ ngày 22/6/2023 S gặp một người phụ nữ khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ đi bán rau qua đường. S hỏi thì được biết người phụ nữ này có ma túy (Hồng Phiến) bán. S hỏi mua 500.000 đồng ma túy, thì được người này hẹn 21 giờ đêm cùng ngày đến chân dốc vườn hoa thuộc khu vực bản L L để giao dịch mua bán ma túy. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S đến nhà M, bảo M đưa cho S 500.000 đồng và cầm tiền đến chỗ hẹn với người phụ nữ. Đến nơi, S đưa cho người phụ nữ này 500.000 đồng, người phụ nữ nhận tiền và đưa cho S 01 gói nilon màu đen bên trong đựng Hồng Phiến. S cầm gói ma túy về nhà đưa cho M. M mở ra đếm được 15 viên Hồng Phiến, rồi cất giấu vào trong chuôi một chiếc liềm để dưới gầm bàn uống nước để S sử dụng dần. Hàng ngày, S tự đến nhà M lấy ma túy, mang ra sau nhà sử dụng.

Sáng ngày 25/5/2023 do hết ma túy, S lại hẹn người phụ nữ đã bán ma túy cho S lần trước bán cho S 700.000 đồng Hồng Phiến. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S lại đến nhà bảo M đưa cho 700.000 đồng để đi mua ma túy. S cầm tiền đến chỗ hẹn và được người phụ nữ đó bán cho một gói nilon màu đen đựng ma túy. S lại mang gói ma túy về đưa cho M đếm được 20 viên rồi đổ vào túi nilon màu xanh, cho vào chuôi liềm dưới gầm bàn uống nước để cất giấu cho S sử dụng dần. Tối hôm đó, do bị đau bụng, M lấy ra 02 viên Hồng Phiến sử dụng. Khoảng 23 giờ hôm sau, M lại tự lấy ra 03 viên Hồng Phiến để sử dụng nhưng không nói cho S biết. Hàng ngày, S vẫn đến lấy ma túy do M cất giấu hộ để sử dụng, nhưng không kiểm đếm số ma túy đó.

Khoảng 08 giờ ngày 31/5/2023 S lại hẹn người phụ nữ đã 02 lần bán ma túy cho S mua 1.000.000 đồng Hồng Phiến. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S lại đến bảo M đưa cho 1.000.000 đồng rồi đến chỗ hẹn, được người phụ nữ bán cho 01 gói nilon màu đen, nói với S bên trong đựng 30 viên Hồng Phiến. S cầm gói ma túy, lấy ra 02 viên rồi đi đến chỗ vắng người sử dụng, còn lại 28 viên mang về đưa cho M cất giấu vào chuôi liềm như những lần trước. Từ ngày 31/5/2023 đến 02/6/2023, M tự ý lấy ra 07 viên Hồng Phiến sử dụng. hàng ngày S vẫn đến nhà M lấy Hồng Phiến sử dụng nhưng không nói và M cũng không biết.

Khoảng 13 giờ 30, ngày 02/6/2023 S đến nhà M thì thấy M đang ở ngoài vườn, nên S đã lấy ra 02 viên Hồng Phiến và sử dụng ngay tại nhà M, M không biết việc S sử dụng ma túy. Khi M đi vào nhà thì thấy S đang ngồi uống nước ở bàn, S nói với M là vừa sử dụng xong 02 viên Hồng Phiến. Cùng lúc này, Tổ công tác Công an xã L L vào nhà yêu cầu S và M có gì liên quan đến ma túy thì giao nộp. S khai vừa sử dụng 02 viên Hồng Phiến, M cũng lấy 15 viên Hồng Phiến đựng trong một túi nilon màu xanh giấu trong chuôi liềm dưới gầm bàn uống nước ra giao nộp. Lường Văn S và Bùi Thị M khai nhận giấu số ma túy để sử dụng dần. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ vật chứng gồm: 01 ống điều tự chế từ lọ nước ngọt, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy, 01 chiếc liềm có chuôi nhựa màu xanh, 02 bật lửa ga, 01 gói nilon màu xanh bên trong đựng 15 viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY nghi là Hồng Phiến. Tạm giữ của Bùi Thị M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi note 10 kèm số thuê bao 0862.916.690, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus đã qua sử dụng, số tiền 25.400.000 đồng. Tạm giữ của Lường Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus kèm thuê bao số 0336.102.276 đồng thời dẫn giải S và M về cơ quan điều tra để xử lý.

Cùng ngày Các cơ quan chức năng tiến cân tịnh, xác định khối lượng 15 viên nén màu hồng thu giữ khi bắt quả tang của Lường Văn S và Bùi Thị M, xác định được tổng cộng là 1,35 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,44 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu “MS”.

Tại kết luận giám định số 1432/KLMT ngày 05/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu MS là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,44 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,35 gam, loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định: Không”.

Tại bản Cáo trạng số: 119/CT-VKS ngày 27/10/2023 của Viện kiểm sát nhân huyện VH, tỉnh S La đã truy tố bị cáo Lường Văn S về tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lường Văn S, Bùi Thị M phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 38, điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lường Văn S từ 21 đến 24 tháng tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Thị M từ 05 (năm) năm 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù.

Đề nghị không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư do Bưu Điện Việt Nam phát hành đã được niêm phong đựng 0,91 gam Methamphetamine cùng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S La phát hành niêm phong, bên trong đựng 02 Test thử ma túy của Bùi Thị M và Lường Văn S; 01 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S La phát hành niêm phong bên trong đựng Que thử thai của Bùi Thị M; 01 chiếc liềm có lưỡi bằng kim loại màu đen, có cán bằng nhựa màu xanh bên trong rỗng có nắp màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy xém; 01 bát lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng; 01chai nhựa màu trắng không có nắp trên thân chai có gắn một ống tre nối với một ống nhựa màu xanh giữa khớp nối được cuốn bằng băng dính màu xanh.

+ Trả lại bị cáo Lường Văn S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, có số IMEI: 359180077349394, bên trong có 01 sim Viettel số 0336102276 đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong.

+ Trả lại bị cáo Bùi Thị M: 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10, màu xám, có số IMEI: 869839055034160/00, bên trong có 01 sim Viettel số 0862916690; 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu trắng, có số IMEI: 353291071954091, bên trong không có sim, đều đã qua sử dụng cũ.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị Tr tố tiền 25.400.000,đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của các bị cáo nhất trí với nội dung Cáo trạng, không có ý kiến gì tranh luận, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người có QLNVLQ không có ý kiến gì tranh luận, đề nghị HĐXX trả lại số tiền 25.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 02/6/2023, Lường Văn S và Bùi Thị M bị phát hiện bắt quả tang tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích cùng sử dụng. Khối lượng ma túy được xác định là 1,35 gam Methamphetamine. Số ma túy trên, Lường Văn S đã mua được của một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ với giá 1.000.000 đồng, mang về cho Bùi Thị M cất giấu tại nhà M để cùng sử dụng. Do vậy, Lường Văn S và Bùi Thị M đồng phạm và chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép 1,35 gam Methamphetamine.

[2]. Tính chất hành vi và vai trò của từng bị cáo: Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước

về các chất ma túy làm lây lan phát sinh các tệ nạn và tội phạm về ma túy, gây mất trật tự địa phương. Các bị cáo là đồng phạm trong vụ án, có vai trò ngang nhau. Bị cáo Lương Văn S chủ mưu, bị cáo Bùi Thị M giúp sức tích cực.

Bị cáo Lương Văn S chưa có tiền án, tiền sự, phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là 1,35 gam Methamphetamine, căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249 BLHS.

Bị cáo Bùi Thị M đã từng 02 lần bị kết án về tội phạm ma túy, đã tái phạm, nay lại cố ý phạm tội nghiêm trọng, căn cứ điểm o khoản 2 điều 249 BLHS bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tăng nặng. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của VKS, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Bùi Thị M và bị cáo Lương Văn S có hành vi mua ma túy để sử dụng chung. Các bị cáo chưa từng cùng nhau sử dụng ma túy tại nhà bị cáo Bùi Thị M. Bị cáo Bùi Thị M cũng chưa bao giờ nhìn thấy, phụ giúp cho bị cáo S thực hiện việc chuẩn bị đồ dùng, vật dụng để bị cáo S sử dụng ma túy. Do vậy, cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý các bị cáo tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lương Văn S có thành tích được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, do vậy, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[4] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Công an huyện VH, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện VH, trong quá trình điều tra, HĐXX xét thấy đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] *Về phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS, các bị cáo có thể bị phạt tiền. Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có thu nhập, không đủ điều kiện và khả năng thi hành, do vậy, không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Vật chứng của vụ án:*

+ 01 phong bì thư do Bưu Điện Việt Nam phát hành đã được niêm phong đựng 0,91 gam Methamphetamine cùng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S La phát hành niêm phong, bên trong đựng 02 Test thử ma túy của Bùi Thị M và Lương Văn S; 01 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S La phát hành niêm phong bên trong đựng Que thử thai của Bùi Thị M; 01 chiếc liềm có lưỡi bằng kim loại màu đen, có cán bằng nhựa màu xanh bên trong rỗng có nắp màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy xém; 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng; 01chai nhựa màu trắng không có nắp trên thân chai có gắn một ống tre nối với một ống nhựa màu xanh giữa khớp nối được cuốn bằng băng dính màu xanh,

là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, có số IMEI: 359180077349394, bên trong có 01 sim Viettel số 0336102276 đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong của bị cáo Lương Văn S. 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Bùi Thị M gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10, màu xám, có số IMEI: 869839055034160/00, bên trong có 01 sim Viettel số 0862916690; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu trắng, có số IMEI: 353291071954091, bên trong không có sim, đều đã qua sử dụng cũ, là những vật không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

+ Số tiền 25.400.000 đồng thu tại nơi ở của Bùi Thị M, bị cáo khai đó là tiền do con gái Nguyễn Thị Tr gửi để nuôi con của chị Nguyễn Thị Tr (cháu ngoại bị cáo Bùi Thị M). Đây là những tài sản không liên quan đến tội phạm, cần tuyên trả lại theo đề nghị của chị Nguyễn Thị Tr là phù hợp.

[7] *Về nguồn gốc chất ma túy*: Bị cáo Lương Văn S khai nhận mua ma túy của người phụ nữ bán rau rong trên đường, không biết tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý trong vụ án này, không đặt vấn đề xử lý.

Các bị phạm tội, bị xét xử, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điểm c khoản 1, điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lương Văn S và Bùi Thị M phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Lương Văn S 21 (Hai mươi một) tháng tù, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến ngày 11/6/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày nhập trại chấp hành án.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, 58 BLHS, Xử phạt bị cáo Bùi Thị M 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/6/2023.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì thư do Bưu Điện Việt Nam phát hành đã được niêm phong đựng 0,91 gam Methamphetamine cùng vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S La phát hành niêm phong, bên trong đựng 02 Test thử ma túy của Bùi Thị M và Lương Văn S; 01 phong bì thư do Công an huyện VH, tỉnh S

La phát hành niêm phong bên trong đựng Que thử thai của Bùi Thị M; 01 chiếc liềm có lưỡi bằng kim loại màu đen, có cán bằng nhựa màu xanh bên trong rỗng có nắp màu xanh đã qua sử dụng cũ; 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy xém; 01 bát lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng; 01chai nhựa màu trắng không có nắp trên thân chai có gắn một ống tre nối với một ống nhựa màu xanh giữa khớp nối được cuốn bằng băng dính màu xanh.

- Trả lại bị cáo Lương Văn S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, có số IMEI: 359180077349394, bên trong có 01 sim Viettel số 0336102276 đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong.

- Trả lại bị cáo Bùi Thị M: 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Bùi Thị M gồm: 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10, màu xám, có số IMEI: 869839055034160/00, bên trong có 01 sim Viettel số 0862916690; 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus, màu trắng, có số IMEI: 353291071954091, bên trong không có sim, đều đã qua sử dụng cũ.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Tr số tiền 25.400.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao vật chứng số 18/BBVC – CCTHA ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Toà án ND tỉnh S La;
- Chánh án TAT Hòa Bình;
- VKSND huyện VH;
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo; người TGTT;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

